

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 7 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGD ngày 13 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị V, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp AK, xã Đ huyện L, tỉnh Đ;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh V1, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp AK, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị V có mặt, anh V1 có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị V trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 1989 chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau cho đến nay không đoàn tụ được. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh V1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh V1 trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh V1 sinh năm 1970 nhưng do cha của anh V1 đi làm giấy khai sinh muộn và ghi sai năm sinh nên giấy tờ đều ghi sinh năm 1980. Vào năm 1989 anh V1 và chị Trương Thị V tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị V đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2015 đến nay không biết đi đâu và cũng không liên lạc được. Nay chị V làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh V1 cũng đồng ý theo như yêu cầu của chị V.

2. Về con chung: Quá trình sống chung anh V1 và chị V có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị T, sinh năm: 1997 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh V1, về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh V1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V1.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 đều thừa nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị V và anh V1 đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc chị V và anh V1 sống chung với

nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, xử không công nhận chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 đều thống nhất quá trình sống chung anh chị có hai con chung tên Nguyễn Chí C, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1997, các con hiện nay đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Minh V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị V và anh Nguyễn Minh V1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp theo biên lai số

BI/2019/0005543 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Trương Thị V được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng anh Nguyễn Minh V1 được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội